

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TCKH

Tam Đường, ngày tháng 11 năm 2024

V/v triển khai mức hỗ trợ tiền
điện cho hộ nghèo, hộ chính sách
xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi:

- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội, trong đó tại khoản 1 Điều 2 Thông tư quy định: “Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 tăng, giảm so với hiện hành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh kịp thời mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kwh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 đã điều chỉnh”.

Căn cứ Quyết định số 2699/QĐ-BCT ngày 11/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giá bán điện, trong đó có điều chỉnh giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 là 1.893 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Thực hiện Công văn số 4368/UBND-KTN ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc triển khai mức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Để thống nhất mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn huyện theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường giao các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 2699/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1. Định mức tiêu thụ điện, đơn giá, mức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội hàng tháng

a) Định mức tiêu thụ điện hỗ trợ: Mỗi hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chỉ được hưởng một mức hỗ trợ điện tiêu thụ cho sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là 30 kWh/hộ/tháng.

b) Đơn giá để tính tiền điện hỗ trợ và mức hỗ trợ tiền điện: Được tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 ban hành kèm theo Quyết định số 2699/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công thương nhân (x) với thuế giá trị gia tăng theo quy định, cụ thể:

- Đơn giá để tính tiền điện hỗ trợ với mức thuế giá trị gia tăng 8% là 1.893 đồng/kWh x 108% = 2.044,44 đồng. Mức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội hàng tháng là 61.400 đồng/hộ/tháng (2.044,44 đồng/kWh x 30 kWh/hộ/tháng = 61.333 đồng/hộ/tháng, làm tròn số là 61.400 đồng/hộ/tháng).

- Đơn giá để tính tiền điện hỗ trợ với mức thuế giá trị gia tăng 10% là 1.893 đồng/kWh x 110% = 2.082,3 đồng. Mức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội hàng tháng là 62.500 đồng/hộ/tháng (2.082,3 đồng/kWh x 30 kWh/hộ/tháng = 62.469 đồng/hộ/tháng, làm tròn số là 62.500 đồng/hộ/tháng).

2. Đối tượng được hỗ trợ, điều kiện được hỗ trợ và phương thức hỗ trợ:
Thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Thời gian thực hiện hỗ trợ: Từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.

4. Tổ chức thực hiện

a) Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí hỗ trợ hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện chi trả, giám sát, kiểm tra, thanh tra quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn huyện; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tình hình, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện theo quy định.

c) Căn cứ mức thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn rà soát, áp dụng mức hỗ trợ tiền điện theo từng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng, lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đề nghị Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện (có xác nhận của Kho bạc nhà nước) về Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Sùng Lữ Páo